

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2026-2027

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 5067/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục Mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 8585/SGDĐT-GDPT ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027;

Trường Tiểu học Định Hoà xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2026-2027 với những nội dung như sau:

PHẦN I. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội tại địa phương

Phường Chánh Hiệp được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích, dân số của phường Định Hoà, phường Tương Bình Hiệp, khu phố 7,8,9 của phường Hiệp An và khu Chánh Lộc 3, Chánh Lộc 4, Chánh Lộc 5, Chánh Lộc 6, Mỹ Hảo 1, Mỹ Hảo 2 của phường Chánh Mỹ thuộc thành phố Thủ Dầu Một. Sau sắp xếp, Phường Chánh Hiệp có tổng diện tích 19,6641 km², với số dân là 56.387 người. Phường Chánh Hiệp nằm ở khu vực trung tâm thành phố Thủ Dầu Một, giáp với các phường trọng điểm như Thủ Dầu Một và Phú Lợi. Vị trí này giúp phường dễ dàng kết nối với các tuyến giao thông huyết mạch như đường ĐT741 và quốc lộ 13, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương và phát triển kinh tế, với sự phát triển mạnh mẽ của các ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Các doanh nghiệp tại phường đang cập nhật thông tin địa chỉ trên giấy phép kinh doanh để phù hợp với địa giới hành chính mới, đảm bảo tính pháp lý trong giao dịch. Hệ thống trường học từ mẫu giáo đến trung học cơ sở tại phường được duy trì và nâng

cấp, đảm bảo điều kiện học tập tốt cho học sinh. Các cơ sở y tế như trạm y tế phường và bệnh viện đa khoa cũng được đầu tư để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của cư dân đáp ứng theo yêu cầu chung trong việc thực hiện chương trình GDPT 2018.

Đối với công tác giáo dục và đào tạo, trên địa bàn phường Chánh Hiệp có 3 trường tiểu học với hơn 4.000 học sinh. Đảng ủy, UBND phường Chánh Hiệp. Ban đại diện Hội CMHS rất quan tâm đến công tác giáo dục, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc giáo dục và chăm sóc học sinh. Năm 2026, phường tiếp tục được công nhận đạt chuẩn về công tác chống mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở. Kết quả đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” đạt loại xuất sắc.

2. Thời cơ và thách thức

2.1. Thời cơ

Đảng và Nhà nước coi giáo dục là quốc sách hàng đầu và có nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục, có các chủ trương đúng đắn, phù hợp với giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Các cấp lãnh đạo đã ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, kịp thời, cụ thể. Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường Chánh Hiệp; được Ban Đại diện Cha mẹ học sinh, Hội Khuyến học tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhà trường hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Năm học 2026-2027 là năm học thứ 7 triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nên đội ngũ giáo viên của nhà trường đã được tích lũy một ít kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện hiệu quả CTGDPT 2018.

Yêu cầu về chất lượng giáo dục của học sinh và phụ huynh ngày càng cao. Nhiều phụ huynh quan tâm đến việc học của con em và tạo điều kiện thuận lợi cho con em được học tập, luôn đồng thuận và ủng hộ với mọi kế hoạch giáo dục của nhà trường. Nhiều học sinh cố gắng khắc phục khó khăn, vươn lên trong học tập.

Công nghệ thông tin phát triển mạnh giúp cho mọi tầng lớp nhân dân nắm bắt được thông tin về giáo dục nhanh, từ đó có sự thấu hiểu và chia sẻ đối với nhà trường trong quá trình triển khai nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhiệt tình, trách nhiệm, được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm khá tốt.

2.2. Thách thức

Thực hiện CTGDPT 2018, đòi hỏi giáo viên phải đổi mới toàn diện và ứng dụng AI trong giảng dạy, trong khi đó còn một vài giáo viên trong đơn vị chưa tiếp cận và có tư tưởng ngại đổi mới. Đồng thời, nhiệm vụ của nhà trường là phải cụ

thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông giúp học sinh biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời. Để đạt được các mục tiêu lớn của CTGDPT 2018, cần phải có đầy đủ các yếu tố về cơ sở vật chất, về đội ngũ con người,...

Tác động của tệ nạn xã hội có nguy cơ xâm nhập học đường gây nhiều khó khăn cho việc giáo dục đạo đức học sinh của nhà trường. Số học sinh nhập cư, tạm trú tăng cơ học hàng năm, sĩ số học sinh không ổn định, thường chuyển đi, chuyển đến nên gây khó khăn trong công tác quản lý học sinh và ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Đặc điểm tình hình nhà trường

3.1. Đặc điểm học sinh nhà trường

Tỉ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 đạt 100% .

Khối lớp	Số lớp	Số HS	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	Đội viên
Một	6	229	121	7	0	0
Hai	6	251	123	9	1	0
Ba	7	234	114	8	0	0
Bốn	6	207	105	7	0	207
Năm	5	197	102	7	0	197
Cộng	30	1118	565	38	1	404

3.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Tổng số CBGV-NV: 57/ 46 nữ (trong đó: Ban giám hiệu: 03; Thiết bị - TV: 01; Kế toán: 01; Văn thư – Thủ quỹ: 1; Bảo vệ: 03; Phục vụ: 02; Giáo vụ: 1; Dạy lớp: 32; Bộ môn: 13)

Đội ngũ giáo viên tương đối đảm bảo đáp ứng được yêu cầu giáo dục, trình độ chuyên môn khá vững vàng và ý thức trách nhiệm cao trong nhiệm vụ được giao. Các đoàn thể trong nhà trường hoạt động tích cực góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ hàng năm.

Đội ngũ quản lí năng động, sáng tạo trong công việc; phân công đội ngũ phù hợp với hoàn cảnh và năng lực của từng thành viên. Quan tâm, tạo mọi điều kiện về thời gian cho CBGV thực hiện và hoàn thành tốt công tác, tham gia các lớp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Xác định nhu cầu giáo viên ở từng môn

học, lớp học để lập kế hoạch sắp xếp, xin bổ sung đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018.

Thực hiện tốt các chế độ chính sách CBGV - NV, tăng cường công tác thanh kiểm tra, công khai hóa các hoạt động, thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy tiềm năng đội ngũ. Tạo điều kiện để tất cả cán bộ quản lý, giáo viên được tham gia các đợt tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục tiểu học. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, nâng cao vai trò, trách nhiệm, lương tâm, đạo đức nhà giáo; mỗi thầy giáo, cô giáo thực sự là tấm gương sáng cho học sinh noi theo. Kiên quyết “nói không với tiêu cực và bệnh thành tích trong giáo dục”.

PHẦN II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Năm học 2026 - 2027 là năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Luật Giáo dục số 123/2025/QH15; Luật Nhà giáo và các văn bản quy phạm pháp luật mới liên quan đến giáo dục. Ngành Giáo dục tiếp tục thực hiện các mục tiêu phát triển giáo dục theo hướng hiện đại, chất lượng, công bằng và hội nhập; đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi mô hình quản trị, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong giai đoạn mới.

Năm học 2026-2027, ngành Giáo dục tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; với phương châm và chủ đề năm học ***“Đổi mới tư duy - Chuyển biến mạnh mẽ - Kết quả thực chất”***.

A. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp với đặc thù từng cấp học và đối tượng học sinh.

2. Thực hiện giáo dục bắt buộc, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, nhất là đối với học sinh vùng khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khác.

3. Bảo đảm đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; sắp xếp hợp lý mạng lưới trường, lớp, phân hiệu, điểm trường; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương và học liệu đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học, giáo dục học sinh nhằm bảo đảm chất lượng giáo dục phổ thông.

4. Đổi mới quản lý giáo dục phổ thông và quản trị nhà trường; đẩy mạnh chuyển đổi số, học bạ số, học liệu số; quản trị, khai thác và sử dụng hiệu quả dữ liệu giáo dục; giám hồ sơ, thủ tục hành chính; tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

5. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; tăng cường kiểm tra, giám sát; thực hiện đúng quy định về dạy thêm, học thêm, các khoản thu, chi, tài trợ, huy động nguồn lực xã hội và tổ chức các hoạt động giáo dục.

6. Trung thực hiện nội dung theo Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045” và Quyết định số 2372/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

7. Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo; tiếp tục mở rộng mô hình trường thực hiện nội dung giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế trong giáo dục phổ thông.

8. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện từng địa phương, đơn vị, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học tại các cơ sở giáo dục phổ thông.

B. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2026-2027 trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông, kế hoạch thời gian năm học, các nội dung điều chỉnh, bổ sung của Chương trình, điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu, quy mô học sinh, đặc điểm địa phương và kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học trước. Kế hoạch phải đảm bảo thực hiện yêu cầu cần đạt của Chương trình, phù hợp với điều kiện thực tế, khả thi, ổn định, hiệu quả; không cắt xén nội dung, thời lượng hoặc tổ chức mang tính hình thức; đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng sống, năng lực số, trí tuệ nhân tạo đối với học sinh.

Thường xuyên rà soát, cập nhật tài liệu, học liệu, ngữ liệu và học liệu số; khai thác hiệu quả tài nguyên giáo dục mở và nguồn học liệu dùng chung; bảo đảm nội dung dạy học chính xác, khoa học, cập nhật, phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông.

Xây dựng kế hoạch bán trú cho học sinh với nội dung, hình thức phù hợp với điều kiện thực tế, có sự thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và theo các quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý; việc tổ chức hoạt động bán trú cần linh hoạt (ăn trưa, ngủ trưa, vui chơi, giải trí . . .) cho học sinh. Phải đảm bảo các

quy định về an toàn, vệ sinh thực phẩm, đảm bảo dinh dưỡng, sức khỏe cho học sinh.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày không quá 7 tiết học, mỗi tiết học 35 phút; kế hoạch giáo dục bảo đảm phân bố hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; ưu tiên củng cố kiến thức, phát triển năng lực, tổ chức hoạt động giáo dục toàn diện và hỗ trợ học sinh theo nhu cầu; thực hiện hiệu quả chủ trương xã hội hóa giáo dục bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng, ban hành và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường; phát huy vai trò của tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

2. Đổi mới phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học

Tiếp tục đổi mới, sử dụng linh hoạt và đa dạng phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, phù hợp với nội dung bài học, đối tượng học sinh; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức; tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để học sinh cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực; tăng cường thực hành, thí nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, học tập theo dự án, học tập qua trải nghiệm, thảo luận, hợp tác, giải quyết vấn đề phù hợp với yêu cầu cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục và điều kiện nhà trường. Hướng dẫn học sinh phát huy tinh thần tự giác, chủ động, tự học trong mọi hoạt động học tập bảo đảm đạt được yêu cầu cần đạt của chương trình.

Chỉ đạo giáo viên thiết kế và tổ chức bài học bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông; lựa chọn nội dung, phương pháp, học liệu, thiết bị dạy học và hình thức tổ chức dạy học phù hợp; tăng cường ứng dụng công nghệ số, khai thác hiệu quả học liệu số, trí tuệ nhân tạo và tài nguyên giáo dục mở theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kịp thời hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt và tạo cơ hội phát triển đối với học sinh có năng lực, năng khiếu.

Các cơ sở giáo dục khai thác, sử dụng hiệu quả thư viện, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thiết bị dạy học và học liệu số. Tăng cường sử dụng các thiết chế văn hóa và thể thao, di sản văn hóa, môi trường tự nhiên; phối hợp các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cộng đồng địa phương trong tổ chức hoạt động giáo dục. Hoạt động phải có mục tiêu giáo dục rõ ràng, bảo đảm an toàn, thiết thực, phù hợp lứa tuổi, không hình thức, không làm phát sinh chi phí không cần thiết hoặc tạo áp lực đối với học sinh và cha mẹ học sinh; thực hiện quản lý, tài chính, tài sản công, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá

Thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh đúng quy định, bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác và vì sự tiến bộ của học sinh; kết hợp phù hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, nhận xét và điểm số phù hợp với môn học, hoạt động giáo dục.

Nội dung kiểm tra, đánh giá phải bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông. Chú trọng đánh giá khả năng hiểu, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; hạn chế yêu cầu ghi nhớ máy móc, học thuộc lòng, làm bài theo khuôn mẫu. Kết quả đánh giá phải được sử dụng để điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với đối tượng học sinh, phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu, bồi dưỡng học sinh giỏi, tư vấn học tập, hướng nghiệp và phối hợp với cha mẹ học sinh.

Tăng cường kiểm tra, đánh giá trong quá trình học tập của học sinh thông qua các câu hỏi, bài tập, dự án, thuyết trình, hoạt động học tập,...; đánh giá định kì thông qua các hình thức thực hành, dự án học tập, trong đó có hướng dẫn chấm điểm, tiêu chí chấm cụ thể, có thông báo trước các yêu cầu, hình thức đánh giá để học sinh chủ động; đánh giá các nội dung dạy học tích hợp về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, đạo đức liêm chính, pháp luật về an toàn giao thông, giáo dục tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, ...

Tăng cường vai trò của tổ chuyên môn trong hướng dẫn, tổ chức xây dựng ma trận, bản đặc tả, câu hỏi, bài kiểm tra và nhiệm vụ học tập phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình; khai thác, sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học, hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và nâng cao chất lượng giáo dục.

Duy trì tổ chức khảo sát, đánh giá năng lực học sinh lớp 3 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực nhằm làm cơ sở đổi mới phương pháp, hình thức dạy và học phù hợp; góp phần duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục. Việc kiểm tra, khảo sát được tổ chức phù hợp, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục; không gây áp lực cho học sinh; không sử dụng kết quả khảo sát, kiểm tra để xếp hạng, tạo áp lực thành tích đối với giáo viên và học sinh.

Tiếp tục xây dựng, bổ sung, hoàn thiện ngân hàng câu hỏi kiểm tra, đánh giá đối với các môn học, đảm bảo thực hiện thống nhất, đồng bộ theo Chương trình giáo dục phổ thông.

4. Tổ chức các nội dung giáo dục gắn với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

4.1. Nội dung giáo dục địa phương

Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương bảo đảm đúng mục tiêu, yêu cầu cần đạt, thời lượng quy định; phù hợp với điều kiện lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội, môi trường, đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp của địa phương; gắn với giáo dục

truyền thông, giáo dục pháp luật, bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng và định hướng nghề nghiệp.

Nhà trường bố trí thời lượng, phân công giáo viên, lựa chọn hình thức tổ chức dạy học phù hợp; ưu tiên phân công giáo viên đảm nhận các nội dung phù hợp với chuyên môn giáo viên.

Kế hoạch dạy học nội dung giáo dục địa phương được xây dựng theo từng chủ đề phù hợp với điều kiện tổ chức của nhà trường và kế hoạch dạy học các môn học có nội dung liên quan; tạo điều kiện cho học sinh liên hệ, vận dụng những nội dung, kiến thức đã học vào thực tiễn tại địa phương.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, học liệu số, hệ thống quản lý học tập để xây dựng chủ đề phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường, tạo thuận lợi cho học sinh liên hệ, vận dụng những nội dung kiến thức đã học trong các môn học với thực tiễn tại địa phương.

4.2. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo đúng mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông và bảo đảm thiết thực, an toàn, phù hợp lứa tuổi, điều kiện nhà trường, địa phương. Nội dung hoạt động cần gắn với giáo dục kỹ năng sống, lao động, tự phục vụ, trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng và định hướng nghề nghiệp

Xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp phù hợp với đặc điểm học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường; tăng cường các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp; tích cực lồng ghép nội dung giáo dục hướng nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục.

Tăng cường tổ chức tập huấn cho giáo viên thực hiện công tác tư vấn hướng nghiệp. Huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp vào hoạt động giáo dục hướng nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tư vấn hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh.

Tổ chức trải nghiệm cho học sinh tại trường (phiên chợ nổi trên sông và công viên nước) và ngoài nhà trường bằng nguồn kinh phí xã hội hóa do phụ huynh đóng góp.

4.3. Giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học kỹ thuật

Tổ chức giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật phù hợp với mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông, điều kiện nhà trường và năng lực học sinh; gắn với môn học, hoạt động giáo dục, chuyên đề học tập, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp STEM. Chú trọng hình thành tư duy khoa học, tư duy thiết kế, năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác và vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn.

Lựa chọn chủ đề phù hợp; khai thác thiết bị, học liệu hiện có, học liệu địa phương; tăng cường phối hợp với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, trung tâm khoa học, bảo tàng, thư viện và cơ sở sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế. Không tổ chức giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật theo phong trào, nặng sản phẩm trình diễn, thiếu chiều sâu chuyên môn hoặc làm phát sinh chi phí không cần thiết.

4.4. Giáo dục năng lực số và sử dụng trí tuệ nhân tạo

Thực hiện hiệu quả giáo dục năng lực số, nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo, giáo dục an toàn mạng toàn diện cho học sinh, đảm bảo phù hợp với từng cấp học, điều kiện nhà trường và đối tượng học sinh. Hướng dẫn học sinh sử dụng công nghệ, Internet, mạng xã hội và trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm, trung thực; phòng ngừa sao chép, gian lận học thuật, lệ thuộc công nghệ và các nguy cơ trên môi trường số, đặc biệt là không sử dụng trí tuệ nhân tạo để thay thế trách nhiệm tự học, tự rèn luyện; chủ động nhận diện, phòng ngừa và xử lý các nguy cơ học sinh bị bắt nạt, xâm hại, lừa đảo, dụ dỗ hoặc bị xâm phạm quyền riêng tư trên môi trường mạng.

Triển khai các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhằm hình thành và phát triển những năng lực thiết yếu của công dân số, sẵn sàng tham gia vào môi trường số trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0 và lồng ghép tích hợp dạy ứng dụng AI trong học tập 12 tiết / năm cho toàn trường qua môn Công dân số.

Tăng cường khai thác, sử dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ quản lý hành chính, sổ sách điện tử, sắp xếp thời khóa biểu, phân công chuyên môn, quản lý cơ sở vật chất, giúp giảm tải cho cán bộ, giáo viên; khai thác sử dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn để hỗ trợ ra quyết định, dự báo sớm, nhận diện học sinh cần hỗ trợ, đánh giá hiệu quả chính sách, tối ưu phân bổ nguồn lực; khuyến khích ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý dạy học, tư vấn hướng nghiệp, cá nhân hóa lộ trình học tập, phát huy tiềm năng từng học sinh, bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và trách nhiệm của người sử dụng.

4.5. Tổ chức dạy học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai và nâng cao chất lượng ngoại ngữ

Từng bước tổ chức dạy học và sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong trường học, phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và đối tượng học sinh. Phối hợp trung tâm anh ngữ ISMARRT dạy 4 tiết/ tuần nguồn kinh phí do phụ huynh xã hội hóa (có giáo viên bản ngữ) nhằm mở rộng môi trường giao tiếp, thực hành và sử dụng tiếng Anh trong môn Toán và khoa học, hoạt động giáo dục và sinh hoạt nhà trường.

Chủ động, sáng tạo trong huy động nguồn lực, sử dụng hợp lý, khoa học các nguồn kinh phí được cấp và cơ sở vật chất hiện có, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên dạy ngoại ngữ, dạy bằng ngoại ngữ và dạy chương trình giáo dục tích hợp, đặc biệt là tiếng Anh để tiến tới đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

Hoạt động giáo dục được dạy và học bằng tiếng nước ngoài phải bảo đảm mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục của chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt ở từng cấp học, trình độ đào tạo và tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến giáo dục phổ thông; được công khai đến học sinh và các bên liên quan trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục ngay sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án. Chương trình, giáo trình, tài liệu sử dụng để dạy và học bằng tiếng nước ngoài không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không làm ảnh hưởng đến văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam và bảo đảm liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo theo quy định.

4.6. Tăng cường giáo dục nghệ thuật

Tổ chức đa dạng các hoạt động giáo dục nghệ thuật trong và ngoài giờ học thông qua môn học, hoạt động giáo dục, câu lạc bộ, sân chơi và trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế. Khuyến khích học sinh sáng tạo, biểu diễn, cảm thụ nghệ thuật; giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống, bản sắc dân tộc và địa phương; tiếp cận có chọn lọc nghệ thuật đương đại phù hợp với lứa tuổi.

Phát huy vai trò của giáo dục nghệ thuật trong hình thành phẩm chất, năng lực thẩm mỹ, sáng tạo, giao tiếp và hợp tác. Huy động tổ chức và cá nhân tham gia tổ chức hoạt động giáo dục nghệ thuật thiết thực, hiệu quả.

Chủ động triển khai hiệu quả, thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc; nâng cao văn hóa đọc trong nhà trường và địa phương; sắp xếp bố trí nhân viên thư viện đúng chuyên môn làm công tác thiết lập và vận hành thư viện; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên và nhân viên thư viện về công tác tổ chức hoạt động đọc cho học sinh; dành thời lượng phù hợp cho tiết đọc thư viện; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, học liệu và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động thư viện, đặc biệt là phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

4.7. Giáo dục thể chất và y tế học đường

Tăng cường giáo dục kỹ năng phòng, chống đuối nước, kỹ năng an toàn trong môi trường nước và phòng, chống tai nạn, thương tích; chủ động rà soát nguy cơ mất an toàn tại cơ sở giáo dục và trong các hoạt động giáo dục, thể thao; phối hợp

với gia đình và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc giáo dục, hướng dẫn học sinh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn.

Tổ chức giảng dạy hiệu quả môn Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và công tác y tế trường học; chú trọng rèn luyện thể chất, chăm sóc sức khỏe và phòng, chống tai nạn, thương tích.

Rà soát, bố trí đội ngũ, cơ sở vật chất, sân bãi và thiết bị để tổ chức các môn thể thao tự chọn được quy định trong môn Giáo dục thể chất theo Chương trình giáo dục phổ thông; phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng, thể lực của học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường; xây dựng thời khóa biểu phù hợp tâm sinh lý và sức khỏe học sinh; không bố trí nội dung thực hành vào tiết thứ 5 buổi sáng và tiết 1 buổi chiều.

Thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026 - 2035; tăng cường công tác y tế trường học, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đầu năm học, quản lý và chuẩn hóa dữ liệu sức khỏe học sinh trên môi trường số. Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn thực phẩm, dinh dưỡng hợp lý đối với bữa ăn bán trú, căng tin trường học; chủ động phòng, chống các dịch bệnh truyền nhiễm, bệnh học đường; đảm bảo điều kiện nước sạch, công trình vệ sinh, vệ sinh môi trường và duy trì tỷ lệ 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế

4.8. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống và xây dựng công dân trong kỷ nguyên số

Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống và trách nhiệm công dân; xây dựng văn hóa học đường; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh; hình thành ở học sinh các giá trị cốt lõi của con người Việt Nam, lòng yêu nước, ý thức thượng tôn pháp luật, khát vọng cống hiến và trách nhiệm xã hội.

Tăng cường giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh; tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, rèn kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh.

4.9. Tổ chức dạy học trực tiếp kết hợp trực tuyến (Lớp học số)

Giải pháp Lớp học số được thực hiện đối với các cơ sở giáo dục gặp khó khăn trong việc bố trí giáo viên; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục qua sinh hoạt chuyên đề, thảo giảng... liên trường, cấp cụm, thành phố.

Xây dựng phương án dạy học trực tiếp kết hợp với trực tuyến khi đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị, đường truyền, sắp xếp thời khóa biểu môn học khoa học, linh hoạt, phù hợp đảm bảo công bằng và quyền lợi cho học sinh, đảm bảo 100% các học sinh của trường được học đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định, vừa được học trực tuyến, vừa được học trực tiếp, luân

phiên, không cố định thường xuyên một hình thức. Khi tổ chức Lớp học số phải phân công giáo viên phụ trách lớp học tại các điểm cầu để quản lý lớp học và hỗ trợ học sinh học tập; giáo viên tham gia giảng dạy Lớp học số và giáo viên được phân công phụ trách lớp học trực tuyến được tính vào số tiết giảng dạy, quy đổi theo quy định hiện hành.

Tổ chức dạy trực tuyến đồng thời cho từ 02 lớp trở lên, đảm bảo theo đúng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo hướng dẫn.

Xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, các phòng học bộ môn theo hình thức liên lớp/liên trường đối với các tiết học của Lớp học số; thao giảng các chuyên đề, hỗ trợ chuyên môn, bảo đảm thuận lợi, khả thi, an toàn trong tổ chức hoạt động dạy và học trực tuyến; đồng thời bảo đảm an toàn thông tin, bản quyền phần mềm và hạ tầng đường truyền đối với các trường tham gia kết nối Lớp học số.

5. Một số nhiệm vụ trọng tâm đối với cấp tiểu học (Trường Tiểu học Định Hoà)

Trường thực hiện huy động trẻ em vào lớp 1, trong đó phối hợp với cha mẹ học sinh hỗ trợ trẻ em chuyển tiếp từ mầm non sang tiểu học. Tổ chức tiếp nhận và hỗ trợ học sinh lớp 1 bảo đảm nhẹ nhàng, phù hợp tâm sinh lý lứa tuổi. Có phương án về đảm bảo đội ngũ giáo viên, chuẩn bị đầy đủ điều kiện phòng học, sách giáo khoa, học liệu, thiết bị dạy học và môi trường học tập. Không tổ chức kiểm tra, khảo sát năng lực để tuyển sinh vào lớp 1; không tạo áp lực học trước Chương trình lớp 1 đối với trẻ em.

Chú trọng củng cố năng lực tiếng Việt, nhất là kỹ năng đọc, viết, năng lực tính toán, giao tiếp, tự phục vụ, tự học và nền nếp học tập cho học sinh lớp 1, lớp 2. Đối với học sinh còn hạn chế về tiếng Việt, học sinh dân tộc thiểu số và học sinh có hoàn cảnh khó khăn, nhà trường tổ chức hỗ trợ kịp thời, phù hợp trong quá trình dạy học, giúp học sinh từng bước đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình. Đối với học sinh khuyết tật, việc tổ chức dạy học và hỗ trợ được thực hiện phù hợp với khả năng, nhu cầu và kế hoạch giáo dục cá nhân.

Nâng cao chất lượng dạy học lớp 4, lớp 5. Tập trung chuẩn bị cho học sinh hoàn thành chương trình tiểu học và chuyển tiếp lên trung học cơ sở, nhất là phương pháp học tập, nền nếp học tập, kỹ năng tự quản lý nhiệm vụ học tập, giao tiếp và thích ứng với môi trường học tập mới.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, trong đó sử dụng buổi học thứ hai để củng cố kiến thức, phát triển năng lực, đọc sách, nghệ thuật, thể thao, trải nghiệm, kỹ năng sống, hoạt động phù hợp lứa tuổi.

Trường cơ bản đủ điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để tổ chức dạy học chương trình GDPT 2018, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp, bước đầu mang lại hiệu quả. Chủ động tham mưu với phòng Tài chính kế hoạch phường Chánh Hiệp tăng cường các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ giáo viên, đẩy mạnh xã hội hóa để đảm bảo các điều kiện để dạy 2 buổi/ ngày cho học sinh toàn trường.

II. THỰC HIỆN GIÁO DỤC BẮT BUỘC VÀ BẢO ĐẢM CÔNG BẰNG TRONG TIẾP CẬN GIÁO DỤC

1. Thực hiện giáo dục bắt buộc

Phối hợp thực hiện hiệu quả công tác rà soát, cập nhật, đối chiếu dữ liệu trẻ em, học sinh trong độ tuổi giáo dục bắt buộc và phổ cập giáo dục theo địa bàn dân cư; quản lý đầy đủ tình trạng đi học, chưa đi học, bỏ học, chuyển đi, chuyển đến và các trường hợp cần hỗ trợ; bảo đảm dữ liệu kịp thời, chính xác, thống nhất với cơ sở dữ liệu ngành.

Tăng cường hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ. Triển khai 100% cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong điều tra, rà soát, huy động, duy trì sĩ số, xử lý trường hợp bỏ học và cập nhật dữ liệu, nhất là tại địa bàn mới sắp xếp, khu công nghiệp, khu đô thị mới, vùng biên giới và vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường công tác tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện công tác phổ cập giáo dục về điều tra, nhập số liệu vào hệ thống, hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ khi thực hiện mô hình chính quyền hai cấp và sáp nhập địa giới hành chính.

Nhà trường phối hợp với gia đình, chính quyền địa phương và các tổ chức liên quan bảo đảm trẻ em trong độ tuổi được đi học; phòng ngừa, hạn chế học sinh bỏ học; kịp thời hỗ trợ học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập, gắn thực hiện giáo dục bắt buộc với nâng cao chất lượng giáo dục và bảo đảm học sinh hoàn thành chương trình.

2. Đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục

Tiếp tục thực hiện đúng, đủ kịp thời các chế độ, chính sách đối với địa bàn khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo; cơ sở giáo dục chưa bảo đảm điều kiện tối thiểu; học sinh yếu thế và học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khác. Tập trung hỗ trợ điều kiện đi học, sách giáo khoa, học liệu, đồ dùng học tập, bán trú, nội trú, dinh dưỡng, tư vấn tâm lý, bổ sung kiến thức nền tảng và kết nối chính sách an sinh xã hội.

Bảo đảm các điều kiện học tập thiết yếu. Khắc phục rào cản do hoàn cảnh kinh tế, khoảng cách địa lý, khuyết tật, ngôn ngữ và biến động dân cư. Việc hỗ trợ

phải góp phần duy trì sĩ số, hạn chế học sinh bỏ học, nâng cao kết quả học tập và bảo đảm học sinh hoàn thành chương trình.

3. Phát triển giáo dục dân tộc, giáo dục học sinh khuyết tật và giáo dục ở vùng khó khăn

3.1. Đối với giáo dục dân tộc

Thực hiện chương trình giáo dục tiểu học xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 theo quy định của Bộ GDĐT (nếu có). Tham gia tập huấn đối với cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung, phương pháp dạy và học Tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số.

Tiếp tục triển khai giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện của từng địa phương và tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên về việc tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng dân tộc thiểu số; thực hiện thí điểm tăng cường năng lực nghe nói cho học sinh dân tộc thiểu số đầu lớp Một dựa trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ tại một số cơ sở giáo dục.

Thực hiện việc đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số, tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Tăng cường huy động nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018.

3.2. Đối với giáo dục học sinh khuyết tật

Lập danh sách trẻ em khuyết tật và lập kế hoạch giảng dạy riêng cho trẻ. Có nhận xét, đánh giá từng thời điểm. Hoàn thành tất cả hồ sơ, biểu mẫu theo yêu cầu của Phòng Văn hoá xã hội và chuyên trách phổ cập giáo dục phường Chánh Hiệp. Lưu giữ hồ sơ, bài kiểm tra và theo dõi sự tiến bộ của trẻ trong suốt năm học.

Tổ chức dạy học cho trẻ em khuyết tật theo kế hoạch dạy học và thời khoá biểu được điều chỉnh phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường (nếu có). Đánh giá và xếp loại học sinh khuyết tật căn cứ vào mức độ đạt được so với nội dung và yêu cầu đã được điều chỉnh.

3.3. Đối với giáo dục ở vùng khó khăn

Phối hợp cơ quan - đoàn thể địa phương chăm lo đến học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Năm và cập nhật thường xuyên hồ sơ sổ sách để theo dõi chính xác tình hình trẻ trong độ tuổi, trong địa bàn. Thực hiện công tác phổ cập giáo dục đúng độ tuổi. Tổ chức rà soát nắm vững số học sinh bỏ học và số học sinh có nguy cơ bỏ học, xác định nguyên nhân đề ra giải pháp phù hợp nhằm khắc phục tình trạng học sinh bỏ học. Tiếp tục phấn đấu giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ

tuổi, huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp Một, giảm tỉ lệ bỏ học dưới 1%. Duy trì nề nếp, kỷ cương thực hiện tốt các phong trào thi đua. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động tiềm năng của nhân dân để phát triển giáo dục (Hỗ trợ học sinh khó khăn, học sinh bị bệnh hiểm nghèo,...). Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Bảo đảm thu nhận 100% trẻ vào học trường tiểu học trên địa bàn, tạo mọi cơ hội để trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được đi học và hoàn thành chương trình tiểu học. Từng tháng, từng học kì tổ chức rà soát nắm vững số học sinh bỏ học và số học sinh có nguy cơ bỏ học, xác định nguyên nhân, đề ra giải pháp phù hợp để khắc phục (phối hợp chặt chẽ cha mẹ học sinh, quan tâm học sinh chậm tiến bộ, xét cấp học bổng ...).

Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, nhà trường triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ trong năm học, bao gồm việc hỗ trợ tài chính, vật chất, và tinh thần bằng cách cung cấp học bổng, hỗ trợ chi phí học tập, sách vở, đồ dùng học tập,... Tổ chức cho các em được tham gia các hoạt động trải nghiệm và các hoạt động khác để phát triển năng lực và tăng cường sự tự tin.

III. ĐẢM BẢO CÁC ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Mạng lưới trường lớp, điểm trường

Bảo đảm thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định tại Luật Giáo dục 2019 và công bằng trong tiếp cận giáo dục, theo hướng thuận lợi cho việc học của học sinh gắn với điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông.

Bảo đảm quyền học tập và cơ hội tiếp cận giáo dục; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho học sinh đến trường, không làm phát sinh thêm rào cản địa lý và chi phí; tuyệt đối không ảnh hưởng đến công tác huy động học sinh ra lớp để duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục.

Tích cực tham mưu với các cấp xây dựng và thực hiện kế hoạch, chuẩn bị tốt các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ giáo viên việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa, tài liệu và học liệu

Cơ sở vật chất nhà trường được sửa chữa trong năm 2026; Trường lớp sạch sẽ, thoáng mát tạo cảnh quan môi trường trong lành. Đảm bảo học sinh có đầy đủ sách giáo khoa để học tập. Bảo đảm cơ sở vật chất trường học: trang trí, tạo môi trường thân thiện trong các phòng học, phòng chức năng, đảm bảo nhà vệ sinh sạch sẽ, khô ráo, có công trình hệ thống nước sạch, ...; mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học còn thiếu. Tuy nhiên, số bàn ghế chưa đáp ứng để dạy học vì quá cũ, đã hư hỏng nhiều nhưng cấp phát chưa đủ.

Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và học liệu số; việc đầu tư, mua sắm, bổ sung thiết bị phải gắn với nhu cầu sử dụng thực tế, bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí; kiên quyết không để tình trạng “thiết bị đến trường mà không ra lớp”.

Tiếp tục phát triển, xây dựng kho học liệu số, bài giảng số các môn học và hoạt động giáo dục để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

Bảo đảm đủ sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương, học liệu và thiết bị dạy học tối thiểu trước khi bắt đầu năm học; thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ đối với học sinh thuộc diện chính sách và học sinh có hoàn cảnh khó khăn; không để học sinh thiếu sách giáo khoa, học liệu do hoàn cảnh khó khăn hoặc chậm cung ứng.

3. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và nhân sự hỗ trợ giáo dục

3.1. Đảm bảo đủ giáo viên thực hiện Chương trình

Xây dựng hoàn thiện quy chế tổ chức hoạt động bộ máy, phân công nhiệm vụ và trách nhiệm từng thành viên. Thực hiện quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng thực chất, khách quan.

Bảo đảm đủ giáo viên dạy đúng, đủ các môn học theo quy định Chương trình giáo dục phổ thông; khắc phục tình trạng thiếu hoặc bố trí, sử dụng giáo viên không phù hợp với chuyên ngành đào tạo; thực hiện phương án điều động, biệt phái giáo viên từ nơi thừa sang nơi thiếu, giáo viên dạy học liên trường để sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có. Linh hoạt giải pháp bố trí, sử dụng giáo viên. Tiếp tục thực hiện mô hình Lớp học số để hỗ trợ một số đơn vị thiếu giáo viên. Không để trường, điểm trường có học sinh nhưng không có giáo viên phụ trách và không để tình trạng thiếu giáo viên kéo dài mà không có phương án xử lý.

Tổ chức rà soát, và xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiểu học chưa đáp ứng trình độ chuẩn theo lộ trình; tham gia học bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và thực hiện chương trình GDPT 2018 gắn với thực tiễn của địa phương. Bồi dưỡng nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học...

3.2. Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và tăng cường hoạt động sinh hoạt chuyên môn

Rà soát, bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán các môn học, hoạt động giáo dục để triển khai bồi dưỡng theo phương thức thường xuyên, liên tục, ngay tại trường; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường để nâng cao năng lực nghề nghiệp giáo viên;

chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, dạy học môn tích hợp, môn học lựa chọn, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, giáo dục hòa nhập và nâng cao năng lực quản trị nhà trường; khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng bằng nhiều hình thức phù hợp; tiếp tục triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa.

Tổ chức các chuyên đề, Hội nghị, Hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên được phân công giảng dạy các môn Khoa học tự nhiên; Lịch sử và Địa lí tại các trường trung học cơ sở.

Bảo đảm một học kì sinh hoạt cụm chuyên môn ít nhất 02 lần tự nguyện ở bậc tiểu học; lựa chọn nội dung sinh hoạt cụm chuyên môn thiết thực, đáp ứng nhu cầu giáo viên, góp phần nâng cao năng lực giáo viên, tránh hình thức, chạy theo thành tích; thời gian, địa điểm và thống nhất trong kế hoạch hành động.

4. Đảm bảo chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Thực hiện bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định; gắn kết quả đánh giá với cải tiến chất lượng nhà trường, nâng cao hiệu quả quản trị, chất lượng dạy học, giáo dục học sinh và các điều kiện bảo đảm chất lượng.

Nhà trường tự đánh giá thực chất, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng khả thi. Duy trì, củng cố tiêu chuẩn, tiêu chí đã đạt; khắc phục hạn chế về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, quản trị nhà trường, chất lượng giáo dục và phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội.

Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục và phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội; thường xuyên cập nhật số liệu, rà soát các tiêu chuẩn, phấn đấu duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2.

IV. ĐỔI MỚI QUẢN LÝ GIÁO DỤC, NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ NHÀ TRƯỜNG VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục phổ thông trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Chủ động, sáng tạo trong huy động nguồn lực, sử dụng hợp lí, khoa học các nguồn kinh phí được cấp và cơ sở vật chất hiện có, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên dạy ngoại ngữ, dạy bằng ngoại ngữ và dạy chương trình giáo dục tích hợp, đặc biệt là tiếng Anh để tiến tới đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai

trong trường học.

Tổ chức tập huấn kịp thời cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý về tổ chức bộ máy vận hành chính quyền địa phương hai cấp, sáp nhập địa giới hành chính và thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền đối với các vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường

Phát huy quyền chủ động của hiệu trưởng gắn với trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà trường; hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, cải tiến chất lượng, bảo đảm an toàn, công khai và dân chủ.

Nhà trường sử dụng kết quả học tập, rèn luyện, chuyên cần, phản ánh của học sinh, cha mẹ học sinh, dữ liệu đội ngũ, cơ sở vật chất, điều kiện dạy học để điều chỉnh kế hoạch giáo dục, phân công giáo viên, hỗ trợ học sinh, cải tiến chất lượng và giải trình với tổ chức, cá nhân liên quan.

Thực hiện công khai các nội dung theo quy định; phát huy vai trò giám sát của giáo viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong các cơ sở giáo dục phổ thông; thực hiện cập nhật số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo.

Nâng cao chất lượng công tác tự kiểm tra nội bộ của nhà trường đối với việc thực hiện quy chế chuyên môn, quản lý hồ sơ chuyên môn và tổ chức các hoạt động giáo dục.

Quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo theo quy định, không lạm dụng vị trí công tác của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để thực hiện hoặc tham gia thực hiện việc ép buộc, vận động học sinh hoặc cha mẹ học sinh mua xuất bản phẩm tham khảo.

Nhà trường liên kết giáo dục với nước ngoài thực hiện chương trình giáo dục tích hợp đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cho phép thực hiện, đảm bảo đúng quy định; không tổ chức thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài khi chưa bảo đảm điều kiện triển khai.

3. Chuyển đổi số, học bạ số và quản trị dữ liệu giáo dục

Tiếp tục thực hiện học bạ số, học liệu số, tuyển sinh trực tuyến và các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá. Bảo đảm toàn bộ học sinh có học bạ số được cập nhật đầy đủ, kịp thời; dữ liệu học bạ số kết nối về Cơ sở dữ liệu Học bạ số của Bộ Giáo dục và Đào tạo và liên thông với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục

Cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu giáo dục bảo đảm đúng, đầy đủ, kịp thời, thống nhất, an toàn và dùng chung giữa các cấp quản lý; bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định. Dữ liệu về học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất phải liên thông với dữ liệu giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục, phục vụ thống nhất công tác quản lý, dự báo, điều hành và phân bổ nguồn lực. Chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu sức khỏe, thể trạng học sinh (chiều cao, cân nặng, chỉ số BMI, khúc xạ, tiền sử bệnh...) lên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành để theo dõi liên tục.

Khai thác dữ liệu để phát hiện kịp thời thiếu hụt về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, chính sách hỗ trợ và các nguy cơ ảnh hưởng chất lượng, an toàn. Không yêu cầu cung cấp lại dữ liệu đã có trên hệ thống hoặc hồ sơ chuyên môn; không phát sinh hồ sơ, sổ sách ngoài quy định.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục Thành phố, bảo đảm kết nối, liên thông với Cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống thông tin chuyên ngành theo quy định.

Cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu theo quy định; duy trì việc cập nhật dữ liệu thường xuyên, bảo đảm nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống”; đồng thời phối hợp xác thực mã định danh cá nhân, địa chỉ cư trú của học sinh, đáp ứng yêu cầu quản lý sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của Thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị dạy học; tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số.

V. ĐẢM BẢO AN TOÀN, KỶ CƯƠNG TRƯỜNG HỌC VÀ TĂNG CƯỜNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương

Tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; thực hiện hiệu quả công tác bảo đảm an toàn trường học, xây dựng văn hoá học đường và tăng cường quản lý đạo đức nhà giáo, văn hoá ứng xử và kỷ cương trường học; chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý nghiêm hành vi vi phạm đạo đức nhà giáo, bạo lực học đường, xâm phạm danh dự, nhân phẩm của nhà giáo và học sinh; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, phòng ngừa, phát hiện và xử lý các vụ việc phát sinh.

Tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, tai nạn, mất an toàn thực phẩm, tệ nạn và nguy cơ trên không gian mạng; xây dựng phương án ứng phó, xử lý các tình huống mất an toàn phù hợp tình hình thực tế tại đơn vị.

Bảo đảm an toàn đối với học sinh bán trú, nội trú, học sinh ở xa gia đình.

Quản lý chặt chẽ việc ăn, ở, sinh hoạt, học tập, chăm sóc sức khỏe, tư vấn tâm lý, phòng chống bạo lực, xâm hại, kì thị và phân biệt đối xử.

Tăng cường tư vấn tâm lý, triển khai hiệu quả công tác xã hội trường học; bố trí nhân sự thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế và được bồi dưỡng nghiệp vụ; chủ động phát hiện, tư vấn, hỗ trợ học sinh có khó khăn về tâm lý, áp lực học tập và nguy cơ trên môi trường số.

Thường xuyên rà soát, kiểm tra cơ sở vật chất, hệ thống điện, cây xanh, thiết bị dạy học,... để kịp thời khắc phục, loại bỏ các nguy cơ gây mất an toàn.

Phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh; đẩy mạnh tuyên truyền kỹ năng sống, kỹ năng ứng xử văn hóa và kỹ năng an toàn trên không gian mạng.

2. Quản lý dạy thêm, học thêm; các khoản thu chi, tài trợ và huy động nguồn lực xã hội

Thực hiện nghiêm quy định về dạy thêm, học thêm. Tăng cường quản lý chặt chẽ hoạt động dạy thêm, học thêm; thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường và giảm áp lực học tập cho học sinh.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức các hoạt động giáo dục có sử dụng nguồn lực xã hội, bảo đảm hiệu quả và phù hợp điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục.

Học sinh được ôn luyện và chọn lựa các hoạt động sau giờ học chính khóa để tham gia trải nghiệm trên tinh thần tự nguyện. Trường tổ chức dạy 2 buổi/ngày nên không tổ chức dạy thêm học thêm trong hoặc ngoài nhà trường với bất kỳ hình thức nào.

3. Kiểm tra, giám sát, tiếp nhận và xử lý phản ánh

Tăng cường kiểm tra, giám sát các nội dung tác động trực tiếp đến quyền lợi học sinh, chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm; tập trung vào lĩnh vực có nguy cơ phát sinh vi phạm hoặc phản ánh kéo dài. Việc kiểm tra, giám sát phải có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên dữ liệu đã được xác thực và tình hình thực tiễn nhằm hỗ trợ, chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Kịp thời tiếp nhận, xử lý và phản hồi các phản ánh, kiến nghị về hoạt động giáo dục phổ thông; xác định rõ trách nhiệm và thời hạn giải quyết; đảm bảo thực hiện đúng quy định. Chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về nhiệm vụ năm học, kết quả đổi mới giáo dục và chính sách đối với học sinh, giáo viên, tạo đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm kế hoạch tự kiểm tra nội bộ của nhà trường đối với việc thực hiện quy chế chuyên môn, quản lý hồ sơ, sổ sách, công tác quản lý tài chính, tài sản và các chương trình, hoạt động giáo dục.

Công khai đường dây nóng, hộp thư góp ý, các kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của nhà trường và cơ quan quản lý giáo dục để kịp thời tiếp nhận ý kiến của học sinh, gia đình học sinh và Nhân dân.

Thực hiện nghiêm công tác tiếp cha mẹ học sinh, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý nghiêm minh, công khai, đúng pháp luật đối với các tập thể, cá nhân vi phạm (nếu có) trên tinh thần không bao che, che giấu khuyết điểm.

VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

1. Thực hiện đề án, dự án, chương trình

Tiếp tục triển khai thực hiện các đề án, chương trình: Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam” tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Đề án “Nâng cao năng lực, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030”; Đề án “Giáo dục thông minh và học tập suốt đời tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030”; Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công giai đoạn 2023 - 2030”.

Tiếp tục triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”; Phong trào thi đua “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030”; Chương trình “Xây dựng mô hình Công dân học tập giai đoạn 2021-2030”, góp phần thực hiện các kế hoạch và cam kết của Thành phố Hồ Chí Minh, thành viên mạng lưới Thành phố học tập toàn cầu của UNESCO.

Tăng cường chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất nhằm triển khai thực hiện các đề án: Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045”; Đề án “Tích hợp giảng dạy và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hệ thống giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn 2045”; Tiếp tục mở rộng mô hình trường thực hiện nội dung giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế³⁷; mô hình trường học số trong giáo dục phổ thông.

2. Đẩy mạnh hoạt động tự chủ của Cụm chuyên môn

Phối hợp với cụm chuyên môn trong việc tổ chức chuyên đề cấp thành phố theo kế hoạch chung. Đẩy mạnh phân cấp công tác quản lý hoạt động của Cụm chuyên môn, giao quyền chủ động cho cụm trường chuyên môn.

Nắm bắt tình hình và ghi nhận những bất thường, khó khăn, vướng mắc để kịp thời báo cáo xin hướng giải quyết; ghi nhận những hoạt động giáo dục hiệu quả của nhà trường để tuyên dương, khen thưởng kịp thời.

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, tạo nên mạng lưới bồi dưỡng

giáo viên năng động và hiệu quả, sát với nhu cầu của giáo viên và yêu cầu của các trường trong cụm.

3. Thực hiện mô hình “Trường học xanh, lớp học mở”, mô hình “Trường học hạnh phúc”

Đẩy mạnh tổ chức thực hiện mô hình “Trường học xanh, lớp học mở” để công khai chất lượng giáo dục đến từng cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội. Mời cha mẹ học sinh đến lớp cùng tham dự tiết học, cùng tham gia các hoạt động học tập, vui chơi và sinh hoạt của học sinh tại lớp; hoạt động bán trú, tham gia bữa ăn; cùng con tham dự các chuyên đề, các câu lạc bộ, hoạt động giáo dục của nhà trường. Các cơ sở giáo dục đánh giá kết quả thực hiện mô hình trong báo cáo sơ kết, tổng kết theo yêu cầu.

Xây dựng, phát triển mô hình “Trường học hạnh phúc” nhằm hướng đến mục tiêu tăng cường xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học, tạo chuyển biến căn bản về ứng xử văn hóa của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và học viên để phát triển năng lực, hoàn thiện nhân cách, lối sống văn hóa, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

Nhà trường thống kê số lượng tiết thực hiện trong các báo cáo định kỳ sơ kết và tổng kết.

C. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Tham mưu với chính quyền đầu tư cơ sở vật chất, đồ dùng thiết bị dạy học để triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 và hướng tới tổ chức dạy 2 buổi/ ngày. Chỉ đạo kiểm kê, bổ sung, sửa chữa các phòng học, các thiết bị, đồ dùng liên quan đến công tác dạy học.

2. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên

Tổ chức bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên thông qua nhiều nội dung, biện pháp, hình thức: tham mưu với lãnh đạo cụm chuyên môn để đề cử giáo viên nguồn của đơn vị tham gia các lớp bồi dưỡng về quản lí, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và chính trị. Tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên trong công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tổ chức các buổi giao lưu hoạt động chuyên môn trong và ngoài nhà trường

Tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi về kinh nghiệm trong nhà trường giữa các tổ khối, giữa giáo viên có nhiều kinh nghiệm với giáo viên mới ra trường, giữa các giáo viên có năng khiếu, có năng lực tốt về lĩnh vực chuyên môn.

4. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

Xây dựng kế hoạch, định hướng hoạt động cho tổ chuyên môn: Kế hoạch chủ yếu đề ra những biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục học sinh cũng như các hoạt động bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên thông qua các buổi sinh hoạt chuyên đề; đổi mới phương pháp dạy - học; sinh hoạt chuyên môn khối, dự giờ thăm lớp, thao giảng do giáo viên tự chọn dựa vào tình hình thực tế của khối. Đánh giá xếp loại cán bộ, viên chức, chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chuẩn giáo viên theo đúng quy trình, quy định.

5. Phát huy tốt công tác thi đua khen thưởng trong nhà trường

Thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua. Triển khai văn bản, hướng dẫn của cấp trên về công tác thi đua, khen thưởng.

6. Công tác phòng, chống dịch và phương án dạy học

Thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo mùa (mắt đỏ, tay chân miệng, cúm....) theo quy định của Bộ y tế; văn bản chỉ đạo của Chính phủ, của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, phường Chánh Hiệp. Xây dựng các phương án giảng dạy online nếu có dịch bùng phát trên địa bàn phường khi có chỉ đạo cấp trên.

D. KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2026 - 2027

Thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2,3,4,5; mỗi ngày không quá 7 tiết, mỗi tiết 35 phút, mỗi tuần có 10 buổi, có 35 tiết/tuần.

Thực hiện Quyết định số 5067/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2026-2027 đối với giáo dục Mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện về hướng dẫn kế hoạch thời gian năm học 2026-2027 của nhà trường như sau:

. Ngày tựu trường: Ngày 24/8/2026 (lớp 1 và lớp 5 từ ngày 17/8/2026); Ngày khai giảng: ngày 5/9/2026

. Học kỳ I: Từ 01/9/2026 gồm 18 tuần thực học, thời gian còn lại dành cho các hoạt động khác), sơ kết HKI trước ngày 10/01/2027.

. Học kỳ II: Thực hiện chương trình từ ngày 10/01/2027 (gồm 17 tuần thực học, thời gian còn lại dành cho các hoạt động khác).

. Tổ chức tổng kết năm học: Trước ngày 31/5/2027;

. Xét công nhận Hoàn thành CTTH trước ngày 30/6/2027.

. Hoàn thành tuyển sinh lớp 1 năm học 2027-2028 trước ngày 31/7/2027.

E. CÁC CHỈ TIÊU PHẤN ĐẤU TRONG NĂM HỌC 2026 - 2027

1. Kết quả giáo dục cuối năm:

+ Học sinh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập: 25%

+ Học sinh hoàn thành tốt và hoàn thành nhiệm vụ học tập: 74%

+ Học sinh chưa hoàn thành nhiệm vụ học tập: 01%.

2. Các chỉ tiêu:

- 100% trẻ 6 -10 tuổi được ra lớp;
- 99% học sinh hoàn thành chương trình lớp học;
- 100% học sinh lớp Năm hoàn thành chương trình tiểu học (HTCTTH); 98% học sinh lớp Năm HTCTTH trước 12 tuổi;
- 100% dạy Tiếng Anh lớp Một, lớp Hai từ tuần 01;
- 100% học sinh được học Tin học các lớp 3,4,5; trường tổ chức cho học sinh làm quen với Tin học các lớp 1 (mỗi lớp 1 tiết/tuần);
- Phần đầu trường tiểu học đạt KĐCLGD cấp độ 1, Thư viện đạt Tiên tiến theo quy định của Bộ GDĐT;
- Xây dựng trường học hạnh phúc, xanh, sạch, đẹp và an toàn, thực hiện “Nhà vệ sinh thân thiện”, “Công trường em xanh, sạch, đẹp và an toàn”; “Góc hoài niệm”, “Không gian văn hoá Hồ Chí Minh”.

Căn cứ các chỉ tiêu đề ra, trường lập bản cam kết đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2026 - 2027.

G. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quán triệt việc thực hiện

1.1. Tiếp tục triển khai tập huấn cán bộ quản lý và giáo viên, bảo đảm cho cán bộ quản lý, giáo viên hiểu rõ hơn về chương trình GDPT 2018.

1.2. Trên cơ sở nhu cầu học tập của học sinh và điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, nhà trường xây dựng các hình thức tổ chức dạy học nhất là đối với các môn học lựa chọn phù hợp.

1.3. Thực hiện tốt công tác thông tin truyền thông để học sinh, cha mẹ học sinh hiểu rõ quy định về chương trình giáo dục phổ thông.

1.4. Tăng cường công tác kiểm tra việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện CT GDPT hiện hành; đổi mới công tác quản lý; giảm hồ sơ, sổ sách; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và tạo môi trường làm việc sáng tạo cho giáo viên.

2. Phân công nhiệm vụ cụ thể

2.1. Hiệu trưởng

Xây dựng kế hoạch tổng thể giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường; Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục; Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường; Ra các quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục; Chỉ đạo tổ chức các hoạt động bồi dưỡng đội ngũ, quản lý hoạt động thư viện.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về thực hiện chương trình GDPT 2018; làm tốt công tác tham mưu về xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học.

2.2. Phó Hiệu trưởng

Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để đảm bảo dạy học 10 buổi/ tuần (khối lớp 1, 2, 3, 4, 5). Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa hoàn thành và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục và phân công giáo viên dạy cụ thể.

Chỉ đạo trực tiếp khối 1, 2, 3, 4, 5 thực hiện chương trình GDPT 2018, kiểm tra đánh giá theo tinh thần các thông tư đã quy định. Tham gia sinh hoạt chuyên môn tổ khối kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp đặc thù của địa phương. Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục. Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

2.3. Tổ trưởng chuyên môn

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn. Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo đúng quy định tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình lớp 1, 2, 3, 4, 5. Tổ chức các hoạt động GDNGLL, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động khác.

Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng giáo viên của tổ. Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn theo sự phân công. Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ theo kế hoạch.

2.4. Tổng phụ trách đội

Tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt dưới cờ, câu lạc bộ...

Phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm, các lực lượng giáo dục khác tổ chức các các động Đội, Sao nhi đồng, trọng tâm là các hoạt động rèn kỹ năng sống cho học sinh.

2.5. Giáo viên chủ nhiệm

Triển khai, thực hiện giảng dạy các môn học theo chỉ đạo của Hiệu trưởng. Xây dựng kế hoạch cá nhân, thời khóa biểu cụ thể cho lớp mình quản lý. Thực hiện và chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học.

Phối hợp với tổng phụ trách đội tổ chức, triển khai các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khoá... Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại lớp mình phụ trách.

2.6. Giáo viên bộ môn

Triển khai, thực hiện giảng dạy môn học theo chỉ đạo của Hiệu trưởng. Xây dựng kế hoạch cá nhân, phối hợp GVCN lớp xây dựng thời khóa biểu.

Phối hợp với GVCN, tổng phụ trách đội tổ chức, triển khai các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khoá. Thực hiện và chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn. Đổi mới phương pháp dạy học. Phối kết hợp chặt chẽ với GVCN trong công tác quản lý, giáo dục học sinh.... Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại các lớp mình giảng dạy bộ môn.

2.7. Viên chức thư viện, thiết bị

Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị. Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học. Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch Tổ chức Ngày hội đọc sách. Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách tại thư viện xanh, Không gian văn hoá Hồ Chí Minh.

3. Chế độ báo cáo

Hàng tháng, bộ phận chuyên môn tổng kết công tác tháng và lập kế hoạch cho tháng tới; Sơ kết từng học kỳ; Tổng kết chuyên môn; Báo cáo theo yêu cầu của các cấp.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2026 -2027 của Trường Tiểu học Định Hoà Căn cứ các nội dung trong kế hoạch, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các bộ phận phản ánh về Hiệu trưởng để kịp thời chỉ đạo, điều chỉnh, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Các P.HT, các TTCM;
- Các đoàn thể của trường;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trương Ngọc Dũ



1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

T T	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII
Môn học bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	Tự nhiên và Xã hội	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	Giáo dục thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
6	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
7	HĐTN	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
8	Công nghệ							35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Tin học							35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Lịch sử &Địa Lí										70	36	34	70	36	34
11	Khoa học										70	36	34	70	36	34
12	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68

T T	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII
Tổng		875	450	425	875	450	425	980	504	476	1050	540	510	1050	540	510
Số tiết trung bình/tuần		25			25			28			30			30		
2. Môn học tự chọn																
15	Tiếng Anh (Tự chọn)	35	18	17	35	18	17									
16	Tin học (Tự chọn)	35	18	17	35	18	17									
Tổng		105	54	51	105	54	51									
Số tiết trung bình/tuần		2			2											
3. Hoạt động củng cố, tăng cường																
17	Sinh hoạt tập thể, trải nghiệm, GD văn hoá đọc, GD KN sống, KN CD số, tự học	270	144	136	270	144	136	245	126	119	175	90	85	175	90	85
Tổng		270	144	126	270	144	136	245	126	119	175	90	85	175	90	85
Số tiết trung bình/tuần		8			8			7			5			5		
Tổng cộng																
Tổng số tiết TB/tuần		35			35			35			35			35		

Phụ lục 1.4 (Khối 1)

Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Buổi Sáng	1	HĐTN (SHDC)	GDTC	Toán	Âm nhạc	Tiếng Việt
	2	Tiếng Việt	Mĩ thuật	Tiếng Việt	GDTC	Tiếng Việt
	3	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tự nhiên và Xã hội
	4	Toán	Tiếng Việt	Tự nhiên và Xã hội	Tiếng Việt	HĐTN (SHTT)
Buổi Chiều	5	Tiếng Việt	Tiếng Việt	HĐTN	Tin học	Tiếng Việt
	6	Đạo đức	Tiếng Anh	Ôn tập	Độc thư viện	Tự học
	7	GD Stem	GD KN Sống	CLB năng khiếu	GD KNCD Số	Ôn tập
Tổng số tiết/tuần		35 tiết/tuần				
TỔNG HỢP						
TT	Nội dung			Số lượng tiết học		Ghi chú
1	Tiếng Việt			12 tiết		
2	Toán			3 tiết		
3	Tự nhiên và Xã hội			2 tiết		
4	Đạo Đức			1 tiết		
5	Hoạt động trải nghiệm			3 tiết		
6	Âm Nhạc			1 tiết		
7	Mĩ Thuật			1 tiết		
8	GDTC			2 tiết		
9	Môn học tự chọn: Anh Văn			1 tiết		
10	Môn học tự chọn: Tin học			1 tiết		
11	Sinh hoạt tập thể, trải nghiệm, GD văn hoá đọc, GD KNS, KN CD số, tự học			8 tiết		
12	Tổng số tiết học kỳ I			630 tiết		
13	Tổng số tiết học kỳ II			595 tiết		
14	Tổng số tiết cả năm			1225 tiết		

Phụ lục 1.4 (Khối 2)

Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Buổi Sáng	1	HĐTN (SHDC)	GDTC	Toán	Toán	Tiếng Việt
	2	Tiếng Việt	Mĩ thuật	Tiếng Việt	Âm nhạc	Toán
	3	Toán	Toán	Tiếng Việt	GDTC	Tự nhiên và Xã hội
	4	Đạo đức	Tiếng Việt	Tự nhiên và Xã hội	Tiếng Việt	HĐTN (SHTT)
Buổi Chiều	5	Tiếng Việt	Tiếng Việt	HĐTN	Tiếng Việt	Tiếng Anh
	6	GD Stem	Tiếng Việt	Ôn tập	Tin học	Tự học
	7	Độc thư viện	GD KN Sống	CLB năng khiếu	GD KNCD Số	Ôn Tập
Tổng số tiết/tuần		35 tiết/tuần				
TỔNG HỢP						
TT	Nội dung			Số lượng tiết học		Ghi chú
1	Tiếng Việt			10 tiết		
2	Toán			5 tiết		
3	Tự nhiên và Xã hội			2 tiết		
4	Đạo Đức			1 tiết		
5	Hoạt động trải nghiệm			3 tiết		
6	Âm Nhạc			1 tiết		
7	Mĩ Thuật			1 tiết		
8	GDTC			2 tiết		
9	Môn học tự chọn: Anh Văn			2 tiết		
10	Môn học tự chọn: Tin học			1 tiết		
11	Sinh hoạt tập thể, trải nghiệm, GD văn hoá đọc, GD KNS, KN CD số, tự học			8 tiết		
12	Tổng số tiết học kỳ I			630 tiết		
13	Tổng số tiết học kỳ II			595 tiết		
14	Tổng số tiết cả năm			1225 tiết		

Phụ lục 1.4 (Khối 3)

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Buổi 1	1	HĐTN(SHDC)	Tiếng Anh	Mĩ thuật	Tin học	Tiếng việt
	2	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng Anh
	3	Toán	Toán	Toán	Tiếng Anh	Toán
	4	Đạo đức	Công nghệ	Tiếng việt	Toán	GDTC
Buổi 2	5	GDTC	TNXH	Tiếng Anh	TNXH	HĐTN (SHTT)
	6	GD Stem	Tiếng việt	HĐTN	Âm nhạc	Tự học
	7	Độc thư viện	GD KN Sống	CLB năng khiếu	GD KNCD Số	Ôn tập
Tổng số tiết/tuần		35 tiết/tuần				
TỔNG HỢP						
1	Tiếng Việt			7 tiết		
2	Toán			5 tiết		
3	Tự nhiên và Xã hội			2 tiết		
4	Đạo Đức			1 tiết		
5	Hoạt động trải nghiệm			3 tiết		
6	Âm Nhạc			1 tiết		
7	Mĩ Thuật			1 tiết		
8	GDTC			2 tiết		
9	Tiếng Anh			4 tiết		
10	Tin học			1 tiết		
11	Công nghệ			1 tiết		
12	Sinh hoạt tập thể, trải nghiệm, GD văn hoá đọc, GD KNS, KN CD số, tự học			7 tiết		
13	Tổng số tiết học kỳ I			630 tiết		
14	Tổng số tiết học kỳ II			595 tiết		
15	Tổng số tiết cả năm			1225 tiết		

Phụ lục 1.4 (Khối 4)

Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Buổi 1	1	HĐTN (SHDC)	Tiếng việt	Toán	Toán	Toán
	2	Toán	Toán	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt
	3	Tin học	Tiếng việt	Tiếng việt	Mĩ thuật	Địa lý
	4	Tiếng việt	GDTC	Đạo đức	GDTC	Tiếng Anh
Buổi 1	5	Lịch sử	Công nghệ	Tiếng Anh	Âm nhạc	HĐTN (SHTT)
	6	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Khoa học	HĐTN	Khoa học
	7	Độc thư viện	GD KN Sống	CLB năng khiếu	GD KNCD Số	Ôn tập
Tổng số tiết/tuần		35 tiết/tuần				
TỔNG HỢP						
1	Tiếng Việt			7 tiết		
2	Toán			5 tiết		
3	Khoa học			2 tiết		
4	Lịch sử - Địa lí			2 tiết		
5	Đạo Đức			1 tiết		
6	Hoạt động trải nghiệm			3 tiết		
7	Âm Nhạc			1 tiết		
8	Mĩ Thuật			1 tiết		
9	GDTC			2 tiết		
10	Tiếng Anh			4 tiết		
11	Tin học			1 tiết		
12	Công nghệ			1 tiết		
13	Sinh hoạt tập thể, trải nghiệm, GD văn hoá đọc, GD KNS, KN CD số, tự học			5 tiết		
14	Tổng số tiết học kỳ I			630 tiết		
15	Tổng số tiết học kỳ II			595 tiết		
16	Tổng số tiết cả năm			1225 tiết		

Phụ lục 1.4 (Khối 5)

Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Buổi 1	1	HĐTN (SHDC)	Tiếng việt	Toán	Toán	Toán
	2	Toán	Toán	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt
	3	Tin học	Tiếng việt	Tiếng việt	Mĩ thuật	Địa lý
	4	Tiếng việt	GDTC	Đạo đức	GDTC	Tiếng Anh
Buổi 2	5	Lịch sử	Công nghệ	Tiếng Anh	Âm nhạc	HĐTN (SHTT)
	6	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Khoa học	HĐTN	Khoa học
	7	Độc thư viện	GD KN Sống	CLB năng khiếu	GD KNCD Số	Ôn Tập
Tổng số tiết/tuần		35 tiết/tuần				
TỔNG HỢP						
1	Tiếng Việt			7 tiết		
2	Toán			5 tiết		
3	Khoa học			2 tiết		
4	Lịch sử - Địa lí			2 tiết		
5	Đạo Đức			1 tiết		
6	Hoạt động trải nghiệm			3 tiết		
7	Âm Nhạc			1 tiết		
8	Mĩ Thuật			1 tiết		
9	GDTC			2 tiết		
10	Tiếng Anh			4 tiết		
11	Tin học			1 tiết		
12	Công nghệ			1 tiết		
13	Sinh hoạt tập thể, trải nghiệm, GD văn hoá đọc, GD KNS, KN CD số, tự học			5 tiết		
14	Tổng số tiết học kỳ I			630 tiết		
15	Tổng số tiết học kỳ II			595 tiết		
16	Tổng số tiết cả năm			1225 tiết		